

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 384/TTr-SNNMT ngày 30/10/2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Sunonline Việt Nam, địa chỉ tại KCN Quế Võ, phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Công ty TNHH Sunonline Việt Nam” tại KCN Quế Võ, phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh, với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH Sunonline Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: KCN Quế Võ, phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp: 2301177290 do Phòng Đăng ký kinh

doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp (*nay là Sở Tài chính*) đăng ký lần đầu ngày 04/6/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 05/12/2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 9803115668 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh cấp chứng nhận lần đầu ngày 27/5/2021, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 03 ngày 14/02/2025.

1.4. Mã số thuế: 2301177290.

1.5. Loại hình sản xuất:

- Sản xuất và gia công các linh kiện bằng nhựa, chi tiết: Khung tai nghe, dây tai nghe, vỏ ốp ngoài của tai nghe điện thoại di động; khung loa, vỏ ốp ngoài của loa không dây; vỏ ốp ngoài của điện thoại; nút bấm bàn phím điện thoại, nút bàn phím điều khiển, dây đeo đồng hồ, vỏ thỏi son, vỏ hộp kem dưỡng da các loại,...

- Sản xuất và gia công vỏ của máy in và máy photo bằng nhựa (cover plastic).

- Sản xuất các loại khuôn đúc bằng kim loại dùng trong sản xuất các sản phẩm bằng nhựa.

- Sửa chữa các loại khuôn đúc bằng kim loại do Công ty sản xuất.

- Sản xuất, gia công các loại tai nghe.

- Sản xuất, gia công các loại tay cầm chơi game, vỏ lăng chơi game.

- Sản xuất, gia công thiết bị đo nhiệt độ.

- Sản xuất, gia công các loại máy quét, máy hút bụi, máy sấy tóc, bộ điều khiển máy huấn luyện động vật.

- Sản xuất, gia công bảng mạch điện tử (PCBA).

- Sản xuất, gia công các loại phím bấm, nút bấm, công tắc, màng chắn sáng, màng dẫn sáng, màng phản quang.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.6.1. Phạm vi:

- Cơ sở hoạt động trên diện tích đất sử dụng là 11.147m<sup>2</sup>, trong đó: Diện tích nhà xưởng (02 tầng) là 9.032m<sup>2</sup>; diện tích nhà hỗn hợp để xe, văn phòng và nhà ăn (03 tầng) là 2.115m<sup>2</sup> (thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị Bắc Ninh) tại KCN Quế Võ, phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Nhóm cơ sở:

+ Cơ sở thuộc Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

+ Cơ sở thuộc Nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, căn cứ theo STT3, Mục III, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

1.6.2. Quy mô, công suất của cơ sở:

- Công suất đề nghị cấp phép môi trường: 2.310,05 tấn/năm, cụ thể:

STT	Tên sản phẩm	Công suất	
		Số lượng (chiếc/năm)	Khối lượng (tấn/năm)
1	Sản xuất và gia công khung tai nghe, dây tai nghe, vỏ ốp ngoài của tai nghe điện thoại di động; vỏ ốp ngoài của điện thoại; nút bấm bàn phím điện thoại, nút bấm điều khiển, dây đeo đồng hồ, vỏ thỏi son, vỏ hộp kem dưỡng da các loại...	32.200.000	750
2	Sản xuất và gia công khung loa, vỏ ốp ngoài của loa không dây	8.050.000	300
3	Sản xuất và gia công vỏ của máy in và máy photo bằng nhựa (cover plastic)	7.700.000	200
4	Sản xuất các loại khuôn đúc bằng kim loại dùng trong sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	50 bộ/năm	0,025
5	Sửa chữa các loại khuôn đúc bằng kim loại do Công ty sản xuất	50 bộ/năm	0,025
6	Sản xuất, gia công các loại tai nghe	200.000	60
7	Sản xuất, gia công các loại tay cầm chơi game, vỏ lăng chơi game	300.000	150
8	Sản xuất, gia công thiết bị đo nhiệt độ	10.000	50
9	Sản xuất, gia công các loại máy quét, máy hút bụi, máy sấy tóc, bộ điều khiển máy huấn luyện động vật	400.000	350
10	Sản xuất, gia công bảng mạch điện tử (PCBA)	700.000	350
11	Sản xuất, gia công các loại phím bấm, nút bấm, công tắc, màng chắn sáng, màng dẫn sáng, màng phản quang	500.000	100
	<b>TỔNG</b>		<b>2.310,05</b>

### 1.6.3. Quy trình sản xuất:

(1) *Quy trình sản xuất, gia công các sản phẩm gồm: Khung tai nghe, dây tai nghe, vỏ ốp ngoài của tai nghe điện thoại di động, vỏ ốp ngoài của điện thoại, nút bấm bàn phím điện thoại, nút bấm điều khiển, dây đeo đồng hồ, vỏ thời son, vỏ hộp kem dưỡng da các loại...; khung loa, vỏ ốp ngoài của loa không dây; vỏ của máy in và máy photo bằng nhựa (cover plastic):*

Nguyên liệu → Kiểm tra IQC → Phế nạp liệu → Đúc nhựa → Cắt bavia → Kiểm tra OQC → Hoàn thiện, đóng gói → Xuất hàng.

(2) *Quy trình sản xuất các loại khuôn đúc bằng kim loại dùng trong sản xuất các sản phẩm bằng nhựa:*

Nguyên liệu → Kiểm tra IQC → Cắt → Gia công chế tạo → Kiểm tra → Đưa vào sử dụng.

(3) *Quy trình sửa chữa các loại khuôn đúc bằng kim loại do Công ty sản xuất:*

Khuôn mẫu → Kiểm tra → Sửa chữa.

(4) *Quy trình sản xuất, gia công các sản phẩm gồm: Các loại tai nghe; các loại tay cầm chơi game, vô lăng chơi game; thiết bị đo nhiệt độ; các loại máy quét, máy hút bụi, máy sấy tóc, bộ điều khiển máy huấn luyện động vật.*

Nguyên liệu → Kiểm tra IQC → Phế nạp liệu → Đúc nhựa → Cắt bavia → Kiểm tra OQC → Lắp ráp → Khắc laser → Kiểm tra → Làm sạch → Đóng gói → Lưu kho/xuất hàng.

(5) *Quy trình sản xuất, gia công bảng mạch điện tử (PCBA);*

Nguyên liệu → Kiểm tra → Cắm linh kiện → Hàn sóng → Kiểm tra và bù hàn → Kiểm tra → Đóng gói → Nhập kho.

(6) *Quy trình sản xuất, gia công các loại phím bấm, nút bấm, công tắc:*

Nguyên liệu → Kiểm tra IQC → Phế nạp liệu → Đúc nhựa → Cắt bavia → Kiểm tra OQC → Hoàn thiện, đóng gói → Xuất hàng.

(7) *Quy trình sản xuất, gia công màng chắn sáng, màng dẫn sáng, màng phản quang:*

Nguyên liệu → Kiểm tra IQC → Cắt → Dán → Kiểm tra OQC → Đóng gói → Xuất hàng

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường nước thải quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Sunonline Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Sunonline Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: Đến hết ngày 20/7/2030.

*(Theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/ĐT-SUNONLINE ngày 20/6/2021; Phụ lục Hợp đồng số 02/PL-ĐT-SOL ngày 05/3/2025 giữa Công ty TNHH Sunonline Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị Bắc Ninh có thời hạn đến ngày 20/7/2030).*

Giấy phép môi trường số 390/GPMT-UBND ngày 20/5/2025 do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Công ty TNHH Sunonline Việt Nam” được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp lại Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 396/QĐ-NNMT ngày 28/8/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường của cơ sở “Công ty TNHH Sunonline Việt Nam”.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh; Công ty TNHH Sunonline Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐ, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT- Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN<sub>Tân</sub>

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Quang Khải**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở sau khi xử lý sơ bộ được thu gom, dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của đơn vị cho thuê nhà xưởng (Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị Bắc Ninh), để xử lý đạt tiêu chuẩn KCN Quế Võ, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Quế Võ.

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng 03 bể tự hoại (mỗi bể có thể tích  $9,0m^3$ ), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất  $70m^3$ /ngày đêm của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị Bắc Ninh (đơn vị cho thuê nhà xưởng), để xử lý đạt tiêu chuẩn KCN Quế Võ, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Quế Võ.

- Nguồn số 02: Nước làm mát từ quá trình đúc nhựa (không chứa thành phần nguy hại) được sử dụng tuần hoàn trong quá trình sản xuất. Định kỳ 01 năm/lần được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất  $70m^3$ /ngày đêm của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị Bắc Ninh, để xử lý đạt tiêu chuẩn KCN Quế Võ, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Quế Võ.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Nước thải (gồm nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và nước làm mát thải bỏ định kỳ) được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất  $70m^3$ /ngày đêm của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị Bắc Ninh. Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị Bắc Ninh chịu trách nhiệm xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở phát sinh theo Biên bản thỏa thuận xử lý nước thải ngày 10/07/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị Bắc Ninh và Công ty TNHH Sunonline Việt Nam.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải.

- Thường xuyên nạo vét đường ống dẫn nước, hút bùn thải tại bể tự hoại 3 ngăn để tránh bị lắng cặn, ứ đọng gây tắc đường ống, giảm khả năng xử lý của công trình.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, bể tự hoại 3 ngăn để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản; khắc phục sự cố, đảm bảo công trình xử lý nước thải đảm bảo hoạt động bình thường sau khi khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (do nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 70m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị Bắc Ninh).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, đầu nối toàn bộ nước thải (gồm: Nước thải sinh hoạt, nước làm mát) phát sinh từ quá trình hoạt động của cơ sở về hệ thống thu gom, xử lý nước thải công suất 70m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị Bắc Ninh (đơn vị cho thuê nhà xưởng), để xử lý đảm bảo đáp ứng yêu cầu, điều kiện và tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Quế Võ, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quế Võ, để tiếp tục xử lý, không được phép xả trực tiếp nước thải ra ngoài môi trường hoặc hệ thống thoát nước mưa.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình.

3.4. Công ty TNHH Sunonline Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị Bắc Ninh, để xử lý nước thải, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quế Võ./.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực đúc nhựa.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn sóng ở quy trình sản xuất bảng mạch điện tử (PCBA).

**2. Dòng khí thải, vị trí xả thải**

2.1. Vị trí xả thải: Gồm 02 vị trí xả thải sau xử lý được thải ra môi trường.

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 01 (xử lý khí thải từ nguồn số 01). Tọa độ vị trí xả thải:  $X_1 = 2341607$ ;  $Y_1 = 562343$ .

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 02 (xử lý khí thải từ nguồn số 02). Tọa độ vị trí xả thải:  $X_2 = 2341571$ ;  $Y_2 = 562366$ .

(Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^00'$ , múi chiếu  $3^0$ )

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất:  $36.000\text{m}^3/\text{giờ}$ .

- Dòng khí thải số 01:  $22.000\text{m}^3/\text{giờ}$ .
- Dòng khí thải số 02:  $14.000\text{m}^3/\text{giờ}$ .

2.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục trong quá trình hoạt động.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{giờ}$	-		
2	Bụi tổng	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	$\leq 80$		

3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 400	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 300		
5	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 400		
6	Etylen oxyt	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 15		
7	Styren	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 100		
8	Propylen oxyt	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 40		

- Dòng khí thải số 02: Khí thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 80		
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 400		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 300		
5	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 400		
6	Đồng và hợp chất (tính theo Cu)	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 5		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01 (Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực đúc nhựa) được thu gom bằng 45 chụp hút bằng đường ống dẫn khí đưa về hệ thống xử lý khí thải số 01 công suất 22.000m<sup>3</sup>/giờ. Khí thải thoát ra ngoài qua 01 ống thoát khí.

- Nguồn số 02 (Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn sóng ở quy trình sản xuất bảng mạch điện tử (PCBA)) được thu gom bằng 06 ống hút bằng hệ thống đường ống dẫn khí đưa về hệ thống xử lý khí thải số 02, công suất 14.000m<sup>3</sup>/giờ. Khí thải thoát ra ngoài qua 01 ống thoát khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải: Gồm 02 hệ thống xử lý khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải số 01: Xử lý bụi, khí thải phát sinh từ khu vực đúc nhựa bằng phương pháp hấp phụ

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải từ khu vực đúc nhựa → Chụp hút → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường. Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

- Công suất thiết kế: 22.000m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải số 02: Xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn hàn sóng ở quy trình sản xuất bảng mạch điện tử (PCBA) bằng phương pháp hấp phụ.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Ống hút → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường. Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

- Công suất thiết kế: 14.000m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Quan trắc, giám sát chất lượng khí thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo tần suất để kịp thời tìm nguyên nhân và khắc phục hệ thống xử lý khí thải khi hệ thống gặp sự cố.

- Tắt ngay hệ thống xử lý khí thải khi có sự cố và dừng hoạt động máy móc sản xuất phát sinh khí thải.

- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản; khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải: Trong khoảng thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng.

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Không quá 01 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải số 02 công suất 14.000m<sup>3</sup>/giờ.

(Hệ thống xử lý khí thải số 01 xử lý bụi, khí thải phát sinh từ khu vực đúc nhựa đã kết thúc vận hành thử nghiệm theo Kế hoạch vận hành thử nghiệm các

công trình bảo vệ môi trường quy định tại Giấy phép môi trường số 390/GPMT-UBND ngày 20/5/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 02.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này (đối với dòng thải khí thải số 02).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.4. Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND*  
*ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Khu vực máy nghiền.
- Nguồn số 02: Khu vực máy mài.
- Nguồn số 03: Khu vực máy cắt.
- Nguồn số 04: Khu vực máy phay.
- Nguồn số 05: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực đúc nhựa.
- Nguồn số 06: Khu vực máy dập khuôn 3D.
- Nguồn số 07: Khu vực máy đục lỗ.
- Nguồn số 08: Khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 09: Khu vực máy khắc CNC.
- Nguồn số 10: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn hàn sóng ở quy trình sản xuất bảng mạch điện tử (PCBA).

**2. Tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026 và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

**2.1. Tiếng ồn:**

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn đến hết ngày 31/12/2026:

<b>TT</b>	<b>Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)</b>	<b>Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)</b>	<b>Tần suất quan trắc định kỳ</b>	<b>Ghi chú</b>
1	70	55	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn từ ngày 01/01/2027:

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

- Giá trị giới hạn đối với độ rung đến hết ngày 31/12/2026:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với độ rung từ ngày 01/01/2027:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	75	70	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

## B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lựa chọn các loại máy móc, thiết bị hiện đại, có tiếng ồn, độ rung thấp.
- Lắp đặt các thiết bị chống ồn, rung ngay khi lắp đặt máy móc, thiết bị.
- Ngăn cách nguồn phát sinh tiếng ồn: Khu vực nhà xưởng và khu vực văn phòng được bố trí riêng biệt.
- Bộ phận bảo dưỡng lập kế hoạch định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong nhà máy nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung phát sinh các nguồn gây ô nhiễm và ảnh hưởng xấu đến môi trường làm việc.
- Chủ cơ sở trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, như: Nút bịt tai, miếng che tai... cho người lao động trực tiếp phải chịu tiếng ồn.
- Bố trí hợp lý thời gian làm việc ở các phân xưởng có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn. Hạn chế người lao động tiếp xúc với tiếng ồn, độ rung trong thời gian dài.
- Tuyên truyền giáo dục về mức độ nguy hại của tiếng ồn, độ rung đối với sức khỏe, tổ chức các khóa huấn luyện về vấn đề an toàn và sức khỏe cho công nhân.

- Đối với tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông, vận tải:
- + Không sử dụng các phương tiện đã quá cũ gây ra tiếng ồn và độ rung cao.
- + Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải.
- + Các phương tiện giao thông vận tải phải được tiến hành đăng kiểm theo đúng quy định của pháp luật.
- + Yêu cầu các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian dừng chờ bốc dỡ nguyên vật liệu và sản phẩm.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA  
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Trạng thái tồn tại</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
1	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	50
<b>Tổng khối lượng:</b>				<b>50</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

<b>TT</b>	<b>Thành phần chất thải</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>
1	Bụi, bavia nhựa	Kg/năm	500
2	Sản phẩm lỗi	Kg/năm	10.000
3	Phoi kim loại không dính thành phần nguy hại	Kg/năm	10
4	Bìa carton	Kg/năm	2.000
5	Nilon	Kg/năm	300
6	Găng tay, giẻ lau không dính thành phần nguy hại	Kg/năm	200
	<b>Tổng</b>	<b>Kg/năm</b>	<b>13.010</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 20 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh,...

- Bùn thải từ bể tự hoại: Khoảng 7,0 tấn/năm.

- Bùn cặn từ quá trình nạo vét hố ga, cống, rãnh thoát nước mưa, nước thải ước tính khoảng 1,5 tấn/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Trạng thái</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Lượng trung bình (kg/năm)</b>
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	400
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính	Rắn	18 01 03	400

	thành phần nguy hại			
3	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	800
4	Xi hàn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	07 04 02	30
5	Than hoạt tính thải từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	18 02 01	696
6	Tấm vải lọc từ các máy CNC	Rắn	18 02 01	20
7	Bông lọc sơ cấp thải, lõi lọc hiệu suất trung bình và lõi lọc hiệu suất cao từ các thiết bị lọc khử khói	Rắn	18 02 01	100
<b>Tổng</b>				<b>2.446</b>

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH**

### **2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ CTNH**

- Khu vực lưu chứa trong nhà: 01 khu.
- Diện tích khu vực lưu chứa: 10m<sup>2</sup>.

### **2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Khu vực lưu chứa trong nhà: 01 khu.
- Diện tích khu vực lưu chứa: 10m<sup>2</sup>.

### **2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

- Khu vực lưu chứa trong nhà: 01 khu.
- Diện tích khu vực lưu chứa: 10m<sup>2</sup>.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công ty TNHH Sunonline Việt Nam có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có.****D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Tăng cường hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

3. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

4. Nghiêm cấm hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Nghiêm cấm nhập khẩu trái phép phương tiện, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng để phá dỡ, tái chế theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

10. Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 384/TTr-SNNMT ngày 30/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở./.